

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/DS-PT

Ngày: 18/3/2022

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Trúc Phương
Ông Huỳnh Thanh Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 18/3/2022, tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 140/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã A, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của anh Phụng là chị Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A, tổ A, ấp Tịnh Mỹ, xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Lê Văn N**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 1, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lê Văn N: Luật sư Võ Thị Băng Giang - Văn phòng luật sư Băng Giang, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Tổ A, ấp 1, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Bé là chị Nguyễn Thị Tuyết Mai, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A tổ 13, ấp Tịnh Mỹ, xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Lê Thị X**, sinh năm 1963 (chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X:

2.1 Lê Thị H, sinh năm 1979;

2.2 Lê Chí C, sinh năm 1986;

2.3 Lê Thị Thu T, sinh năm 1985;

2.4 Lê Thị X, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. **Lê Thị A**, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. **Lê Thị D**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. **Lê Thị M**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

6. **Hồ Thị T**, sinh năm 1966;

7. **Lê Hoàng M**, sinh năm 2003;

8. **Phạm Hồ Diễm P**, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp 1, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Ánh, bà Dung, bà Màu, chị Thành, anh Minh và chị Diễm Phúc, Hận, Công, Thủy, Xuyên là anh Nguyễn Văn Nền, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp 1, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

9. **Trương Văn C**, sinh năm 1978;

10. **Trần Thị L**, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp 1, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của anh C và chị L là anh Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1990; địa chỉ: đường Nội bộ Lãng, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

11. **Lê Thị N2**, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Nhà trọ A, ấp A, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyệt là anh Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1990; địa chỉ: đường A, phường A4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

12. **Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh**;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Chí Thiện - Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Tho, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Người kháng cáo là anh Lê Văn Nền và chị Hồ Thị Thành là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của vụ án.

(Chị Mai, anh Nền, anh Tường có mặt, UBND huyện Cao Lãnh có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn P và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Tuyết M - người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn P thì phần đất tranh chấp có diện tích 91,6m², thuộc một phần thửa 401, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp 1, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh do anh Nguyễn Văn P được cấp quyền sử dụng ngày 16/5/2018, thì toàn bộ thửa đất này có nguồn gốc là của ông Võ Văn Hộ, là ông nội chồng của bà Nguyễn Thị Bé (bà Bé là mẹ anh P) cho ông Võ Văn An (là cha chồng của bà Bé) từ trước năm 1975. Đến năm 1975 thì ông An cho lại bà Bé canh tác và sử dụng. Năm 1997, thấy hoàn cảnh gia đình của bà Phan Thị Chính (mẹ anh Nền) khó khăn và không có chỗ ở nên bà Bé cho bà Chính cất nhà tạm ở trên đất. Năm 1999, bà Bé được cấp quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất này. Đến năm 2018 bà Bé làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh P (con bà Bé). Trước đó bà Lê Thị Nguyệt (con của bà Chính) cũng không có chỗ ở nên có về sống chung với bà Chính một thời gian trên phần đất này, sau đó bà Nguyệt về Long An sinh sống cho đến nay. Anh Trương Minh Cảnh (con bà Nguyệt) cũng do hoàn cảnh khó khăn nên bà Bé cũng cho ở nhờ trên phần đất này. Khi cho ở nhờ thì giữa bà Bé, bà Chính và anh Cảnh thỏa thuận là đến khi nào bà Chính chết thì bà Bé lấy lại phần đất trên.

Năm 2015 bà Chính chết, anh Nền là con của bà Chính lúc đó đang sống ở Bến Tre về đây xin bà Bé cho ở nhờ vài năm rồi sẽ di dời nhà và các tài sản đi nơi khác và bà Bé đồng ý, nhưng đến nay anh Nền vẫn không chịu di dời nhà để trả đất cho bà Bé thậm chí anh Nền còn tự ý sửa chữa nhà mà không có sự đồng ý của bà Bé; lúc đó bà Bé có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Ba Sao để ngăn cản việc xây dựng của anh Nền nhưng chính quyền không giải quyết và đến tháng 5/2018 thì bà Bé tặng cho toàn bộ thửa đất 401, tờ bản đồ số 10 cho anh Nguyễn Văn P (con bà Bé) sử dụng.

Nay anh Nguyễn Văn P yêu cầu anh Lê Văn Nền, chị Hồ Thị Thành, anh Lê Hoàng Minh và chị Phạm Hồ Diễm Phúc có nghĩa vụ liên đới di dời nhà (nhà tạm khung sắt, vách tole, mái tole, nền 1/2 gạch và 1/2 bê tông), các vật kiến trúc (trừ ngôi mộ của bà Chính) và các tài sản khác có trên đất để trả lại cho anh P diện tích đất 91,6m², thuộc một phần của thửa đất số 401, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh do anh P đứng tên quyền sử dụng; đối với diện tích đất có ngôi mộ của bà Chính thì anh P không tranh chấp, không yêu cầu di dời và đồng ý để lại trên đất. Còn đối với phần đất hiện nay anh Cảnh và chị Loan đang ở thì anh P đồng ý tiếp tục cho anh Cảnh và chị Loan ở, không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất hiện nay anh P đang quản lý, không có thể chấp hay cầm cố cho ai. Ngoài ra, anh P không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. Bị đơn Lê Văn Nên ủy quyền cho chị Nguyễn Ngọc Diễm (đồng thời chị Nguyễn Ngọc Diễm là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Thành, anh Lê Hoàng Minh, chị Phạm Hồ Diễm Phúc, bà Lê Thị X, bà Lê Thị Ánh, bà Lê Thị Dung và bà Lê Thị Màu) trình bày: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của bà Phan Thị Chính (mẹ anh Nên); bà Chính được thừa hưởng thừa kế từ ông ngoại bà Chính là ông Phan Văn Sỏi để lại cho bà Chính sử dụng, phần đất có vị trí như sau: phía Đông giáp ông Nguyễn Linh Thiện, phía Tây giáp ông Nguyễn Linh Sơn, phía Nam giáp đường lộ dọc kinh Nguyễn Văn Tiếp, phía Bắc giáp bà Nguyễn Thị Bé, phần đất có diện tích chiều ngang 9m, chiều dài 22,2m, tổng diện tích là 199,8m².

Phần đất này trước đây ông Sỏi sử dụng để cất nhà sàn gỗ tạp, vách lá, mái lá và ở chung với bà Chính đến khi ông Sỏi chết vào năm 1972. Sau khi ông Sỏi chết thì phần đất này được chia cho 3 người là Phan Thị Ngộ, Phan Thị Chính và bà Phan Thị Gạch (mẹ của bà Nguyễn Thị Bé), mỗi người 1 phần đất liền kề và bà Chính (mẹ anh Nên) đã cất nhà ở ổn định trên phần đất này từ năm 1970 cho đến khi chết vào năm 2012. Việc này có ông Phan Văn Đường, bà Lê Thị Tám, ông Lê Văn Nhớ, cùng địa chỉ: ấp 1, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh biết.

Phần đất của bà Chính có diện tích khoảng 180m² (ngang 9m, dài 20m) là căn nhà của ông Sỏi để lại. Khoảng năm 2005, bà Chính cho bà Phan Thị Nguyệt là mẹ anh Trương Minh Cảnh cất nhà mái che (lá) gỗ tạp, vách tole ở trên đất với diện tích ngang 3,5m, dài 20m ở tạm. Sau đó, bà Nguyệt đi làm ở xa và lấy chồng, nên để lại cho anh Cảnh sử dụng. Năm 2017, anh Cảnh sửa lại nhà vách tole, mái tole, nền lót gạch men và tráng xi măng.

Phần đất của bà Ngộ, do bà Ngộ chết nên giao lại cho người con gái, nhưng người đó không sử dụng, từ đó bà Gạch quản lý luôn phần đất của bà Ngộ. Sau đó bà Gạch chia đất cho 3 người là: ông Thiện, ông Sơn và bà Bé mỗi người một phần. Thời điểm này bà Gạch chưa kê khai, đăng ký quyền sử dụng. Sau khi bà Gạch chết thì bà Bé đăng ký toàn bộ phần đất của ông Sỏi để lại, trong đó có phần đất ngang 09m dài 20m, gồm 02 căn nhà.

Khi phát hiện bà Bé đứng tên, bà Chính có gửi đơn ra Ban nhân dân ấp yêu cầu bà Bé tách thửa sang tên cho bà Chính đứng tên nhưng bà Bé không ý kiến, nghĩ bà con thân thuộc nên bà Chính bỏ qua.

Năm 2012 bà Chính chết; bà Bé yêu cầu anh Nên đưa tiền cho bà Bé trị bệnh, anh Nên hỏi tiền gì thì bà Bé nói là tiền ở trên đất của bà Bé nhưng anh Nên không đồng ý nên bà Bé thưa ra Ban nhân dân ấp; Ban hòa giải ấp động viên bà Bé, đất ông bà để lại không nên thưa kiện mà bỏ qua. Sau đó, bà Bé tặng cho quyền sử dụng đất cho anh P thửa số 401, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp trong đó có diện tích căn nhà của anh Nên

và nhà của anh Cảnh. Hiện nay anh P đứng tên quyền sử dụng nhưng bà Bé và anh P không có sử dụng thời gian nào.

Phần đất đang tranh chấp có diện tích 91,6m², hiện nay anh Nền đang sử dụng, anh Nền được các chị em gồm Lê Thị X, Lê Thị Ánh, Lê Thị Dung và Lê Thị Màu (hàng thừa kế thứ nhất của bà Chính) thống nhất giao cho anh Nền. Trong vụ án này, bà X, bà Ánh, bà Dung và bà Màu không có yêu cầu gì và cũng không tranh chấp về thừa kế.

Nay anh Nền, chị Thành, anh Hoàng Minh và chị Diễm Phúc không đồng ý theo yêu cầu của anh P trả lại diện tích đất là 91,6m², thuộc thửa số 401, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh P đối với diện tích 91,6m² thửa số 401, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho anh Nền.

Đối với phần đất anh Cảnh và chị Loan (con và dâu của bà Nguyệt) đang ở thì anh Nền không có yêu cầu gì trong vụ án này; nếu có yêu cầu sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Minh Cảnh và chị Trần Thị Loan cùng ủy quyền cho anh Nguyễn Vĩnh Tường trình bày: Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông nội chồng bà Bé cho cha chồng bà Bé, sau đó cha chồng bà Bé cho bà Bé sử dụng. Cách đây khoảng 20 năm do bà Chính (mẹ anh Nền) và anh Cảnh (con bà Nguyệt) không có chỗ ở nên bà Bé cho ở nhờ trên đất và thỏa thuận là cho bà Chính ở nhờ đến khi bà Chính chết thì phải trả lại đất cho bà Bé và bà Chính không được xây dựng nhà ở kiên cố, phần đất này thuộc thửa số 401, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh có diện tích 801,5m², do anh P đứng tên quyền sử dụng.

Trước đây bà Chính sống một mình, anh Cảnh và bà Nguyệt là người nuôi dưỡng, chăm sóc; các cậu dì ai cũng nghèo nên lo cuộc sống riêng. Từ trước đến nay anh Nền sống bên nhà vợ ở Bến Tre không có về đây sinh sống; vào khoảng năm 2015 sau khi bà Chính chết thì anh Nền mới về và ở nhà của bà Chính và có xin bà Bé cho anh Nền tiếp tục ở nhờ một thời gian, do thấy anh Nền không có chỗ ở nên bà Bé đồng ý. Tất cả đất mà vợ chồng ông Cảnh, chị Loan và anh Nền (bà Chính) ở đều là đất của bà Bé và anh P. Trong quá trình ở, anh Nền có tự ý sửa chữa lại nhà như hiện nay mà không có sự đồng ý của bà Bé và anh P. Trong vụ án này anh Cảnh và chị Loan không có yêu cầu gì và cũng không trình bày gì thêm.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 64/2019/DS-ST ngày 21/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn P.

- Buộc anh Lê Văn Nền, chị Hồ Thị Thành, anh Lê Hoàng Minh và chị Phạm Hồ Diễm Phúc có nghĩa vụ liên đới di dời nhà (căn nhà tạm khung sắt, vách tole, mái tole, nền 1/2 gạch và 1/2 bê tông), các vật kiến trúc (trừ ngôi mộ của bà Chính) và các tài sản khác có trên diện tích đất 91,6m², thuộc thửa số 401, tờ bản đồ số 10 để trả lại cho anh Nguyễn Văn P diện tích đất 91,6m², thuộc thửa số 401, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, do anh P được cấp quyền sử dụng.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/3/2019 và sơ đồ đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp).

- Anh Lê Văn Nền, bà Hồ Thị Thành, anh Lê Hoàng Minh và chị Phạm Hồ Diễm Phúc được quyền lưu cư 03 (ba) tháng.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng cộng là 2.980.000 đồng anh Nền, chị Thành, anh Minh và chị Diễm Phúc phải liên đới chịu, do anh P đã nộp và chi xong nên thu của anh Nền, chị Thành, anh Minh và chị Diễm Phúc để trả lại cho anh P.

- Về án phí: Anh Nền, chị Thành, anh Minh và chị Diễm Phúc phải liên đới chịu 4.158.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0006191 ngày 25/01/2019, 0003321 ngày 17/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/11/2019, anh Lê Văn Nền và chị Hồ Thị Thành kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 64/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, yêu cầu chấp nhận cho anh, chị được sử dụng diện tích đất tranh chấp và công nhận quyền sử dụng đất cho anh, chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Anh Lê Văn Nền và chị Hồ Thị Thành trình bày vẫn giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của anh Nền và chị Thành là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nền, chị Thành; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng

cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Lê Văn Nền và chị Hồ Thị Thành, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Lê Văn Nền và chị Hồ Thị Thành kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận phần diện tích đất tranh chấp 91,6m² (là phạm vi căn nhà anh chị đang quản lý, sử dụng), thuộc thửa số 401, tờ bản đồ số 10 do anh Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng cho anh Nền được quyền sử dụng vì cho rằng phần đất này có nguồn gốc là của bà Phan Thị Chính (mẹ anh Nền) được thừa hưởng thừa kế từ ông ngoại bà Chính là ông Phan Văn Sỏi, nhưng phía anh Nền không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, ngoài lời khai của những người làm chứng là ông Lê Văn Đường và ông Trương Văn Chung, tuy nhiên lời khai của những người này là không có giá trị chứng minh, bởi vì họ đều là những người có quan hệ thân thuộc với anh Nền, nên những lời khai này là không khách quan và cũng không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trong khi, phía anh P xác định phần đất tranh chấp là một phần của phần đất có nguồn gốc là của ông nội chồng của bà Bé (là ông Võ Văn Hộ) để lại cho cha chồng bà Bé (là ông Võ Văn An) trước năm 1975, đến năm 1975 thì ông An để lại cho bà Bé canh tác, sử dụng; năm 1997, thấy hoàn cảnh gia đình của bà Phan Thị Chính (mẹ anh Nền) khó khăn và không có chỗ ở nên bà Bé cho bà Chính cất nhà tạm ở trên đất; sau bà Chính chết, anh Nền lúc đó đang sinh sống ở Bến Tre về và xin bà Bé cho ở nhờ vài năm rồi sẽ di dời đi và được bà Bé đồng ý nhưng đến nay anh Nền vẫn không chịu di dời nhà và các tài sản khác để trả lại đất cho bà Bé và anh P, nên phát sinh tranh chấp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì phần diện tích đất tranh chấp 91,6m² là một phần của thửa số 401, tờ bản đồ số 10, thì toàn bộ thửa đất này được bà Nguyễn Thị Bé kê khai và được cấp quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 1999, đến năm 2018 bà Bé làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh P; khi bà Bé thực hiện các thủ tục nói trên, phía bà Chính (khi còn sống) biết và cũng không có tranh chấp gì; từ trước đến nay phía bà Chính, anh Nền cũng chưa từng kê khai cấp quyền sử dụng đất; toàn bộ thửa đất 401 này cũng do gia đình bà Bé, anh P đóng thuế quyền sử dụng từ trước đến nay. Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của anh Cảnh và chị Loan cũng thừa nhận và xác định phần đất đang tranh chấp là của gia đình bà Bé và việc trước đây bà Chính và kể cả gia đình anh Cảnh có nhà ở trên đất như hiện nay cũng là do trước đây bà Bé cho ở nhờ như trường hợp bà Chính; sau khi bà Chính chết thì anh Nền khi đó đang sinh sống ở Bến Tre (quê vợ) mới về đây xin bà Bé cho ở trong căn nhà của bà Chính một thời gian sẽ đi và trả đất lại cho bà Bé.

Còn tại Công văn số 259/UBND-TNMT ngày 09/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh, Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh cũng khẳng định nguồn

gốc thửa đất số 401, tờ bản đồ số 10 là của ông Nguyễn Văn Hộ (ông nội bà Bé), cấp lần đầu cho hộ bà Bé vào năm 1999 theo đúng trình tự, thủ tục luật định; khi cấp thì mặc dù có nhà của bà Chính trên đất, nhưng cơ quan có thẩm quyền đã có thông báo cho hộ bà Chính biết về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Bé và hộ bà Chính không có ý kiến hay tranh chấp gì. Điều đó chứng tỏ phần đất tranh chấp cũng như toàn bộ thửa đất 401, tờ bản đồ số 10 có nguồn gốc là của gia đình bà Bé.

Như vậy, lời trình bày của phía anh P về nguồn gốc đất tranh chấp là có căn cứ; hiện trạng căn nhà của anh Nền đang quản lý, sử dụng, tức nhà của bà Chính chết để lại cũng chỉ là nhà tạm bợ, cây tạp, vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, buộc gia đình anh Nền phải có nghĩa vụ di dời nhà và toàn bộ vật kiến trúc có trên đất tranh chấp ra khỏi phần đất, để trả lại đất cho anh P sử dụng, trừ ngôi mộ của bà Chính thì anh P không có yêu cầu, là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy trong phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm chưa tuyên cụ thể về mốc giới của diện tích đất tranh chấp theo sơ đồ hiện trạng là chưa đầy đủ, cụ thể. Vì vậy, Hội đồng xét xử bổ sung nội dung này trong phần quyết định của bản án phúc thẩm và vấn đề này, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía anh Nền cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nền cũng không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà Chính, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nền, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Đối với anh Phạm Văn Thanh, dù có tên trong Sổ hộ khẩu của bà Chính nhưng thực tế thì anh Thanh không có sinh sống ở đây cũng như không có tại địa phương từ 10 năm nay; ngoài ra, các đương sự cũng xác định anh Thanh chỉ là cháu của bà Chính và không có phần quyền sử dụng, quyền sở hữu gì đối với phần đất tranh chấp và căn nhà trên đất, nên việc giải quyết vụ án không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với anh Thanh, vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa anh Thanh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp.

[3] Xét lời trình bày và tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nền tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà Chính được thừa hưởng từ ông ngoại bà Chính là ông Phan Văn Sỏi, việc cấp đất cho bà Bé cũng không có đo đạc, khi cấp đất thì đã có nhà bà Chính. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn di dời nhà là không đúng, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 điều 308 Bộ luật dân sự và công nhận quyền sử dụng đất cho anh Nền là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nê và chị Thành, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên anh Nê và chị Thành phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật đất đai; Điều 155 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn N và chị Hồ Thị Th.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 64/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn P.

- Buộc anh Lê Văn N, chị Hồ Thị T, anh Lê Hoàng M và chị Phạm Hồ Diễm P có nghĩa vụ liên đới di dời nhà (căn nhà tạm khung sắt, vách tole, mái tole, nền 1/2 gạch và 1/2 bê tông), các vật kiến trúc (trừ ngôi mộ của bà Chính) và các tài sản khác có trên diện tích đất 91,6m², thuộc thửa số 401, tờ bản đồ số 10 để trả lại cho anh Nguyễn Văn P diện tích đất 91,6m², thuộc thửa số 401, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, do anh P được cấp quyền sử dụng. Diện tích đất 91,6m² trong phạm vi các mốc M1'-M2'-M4-M5'-M6-M7-M8-M9-M1' (Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/3/2019 và Sơ đồ đo đạc, ngày 19/3/2019 và sơ đồ bổ sung ngày 21/11/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp).

- Anh Lê Văn N, bà Hồ Thị T, anh Lê Hoàng M và chị Phạm Hồ Diễm P được quyền lưu cư 03 (ba) tháng kể từ ngày tuyên án hôm nay.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng cộng là 2.980.000 đồng anh N, chị T, anh M và chị Diễm P phải liên đới chịu, nhưng do anh P đã nộp và chi xong, nên anh N, chị T, anh M và chị Diễm Phúc có nghĩa vụ nộp để trả lại cho anh P.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Lê Văn N, bà Hồ Thị T, anh Lê Hoàng M và chị Phạm Hồ Diễm P phải liên đới chịu 4.158.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0006191 ngày 25/01/2019, 0003321 ngày 17/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh N và chị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 000353 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Anh N, chị T đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy